

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 10
NĂM HỌC 2022 – 2023

I. MỤC ĐÍCH RA ĐỀ KIỂM TRA: Kiểm tra, đánh giá năng lực tiếp thu kiến thức của học sinh qua ba mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, trong đó chú trọng kiểm tra, đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh.

1. Kiến thức: Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kỹ năng trong chương trình Ngữ văn của học sinh qua các bài đã học trong 18 tuần của học kì I; Vận dụng được những kiến thức để trả lời những câu hỏi và tạo lập văn bản theo yêu cầu.

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng đọc hiểu văn bản
- Kỹ năng thu thập, lựa chọn và xử lí thông tin liên quan đến văn bản
- Kỹ năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản
- Vận dụng được kỹ năng phân tích đề, lập dàn ý, viết bài văn NLVH hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Chủ động, tích cực trong việc lựa chọn hướng giải quyết vấn đề một cách hợp lí.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận.

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ Thơ/ Văn nghị luận.	3	0	5	1	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	35	15	0	20	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

IV. BẢNG MÔ TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật... Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử	3 TN	4TN 1TL	2 TL	0

			chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
		Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần,				

		nhịp, biện pháp tu từ... Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
	Văn nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ... - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích tạo lập văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của các biện pháp tu từ; công dụng của dấu câu; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn				

			bản. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.				
2	Viết	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của tác phẩm. - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa,	1*	1*	1*	1TL*

			giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
Tổng				3 TN	5TN 1 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	50	15	15
Tỉ lệ chung				60		40	

- Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

V. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA

SỞ GD&ĐT
TRƯỜNG THPT
(Đề thi gồm có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn 10
Thời gian làm bài: 90 phút

I/ ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)
Đọc bài thơ sau:

Đây thôn Vĩ Dạ
(Hàn Mặc Tử)

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ(1)?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền(2).*

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp(3) lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh(4)
Ai biết tình ai có đậm đà?*

(Đau thương, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995))

Chú thích:

- (1) *Thôn Vĩ*: thôn Vĩ Dạ (có bản chép là *Vĩ Giã*, từ gốc là *Vĩ Dã*- vĩ: lau, dã: là cánh đồng) nằm ở ngoại vi thành phố Huế, có phong cảnh vườn tược rất xinh, nên thơ.
- (2) *Mặt chữ điền*: mặt vuông chữ điền (tiếng Hán), một kiểu khuôn mặt phúc hậu (theo quan niệm tướng mạo thời xưa).
- (3) *Bắp*: ngô.
- (4) *Nhân ảnh*: hình người, bóng người.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do

B. Thơ thất ngôn tứ tuyệt

C. Thơ lục bát

D. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ đầu?

A. Phép đối

B. Câu hỏi tu từ

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 3: Bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ thơ đầu bài thơ là bức tranh tả cảnh gì và mang vẻ đẹp như thế nào?

A. Một bức tranh bình minh tươi đẹp

B. Một cảnh tượng bình minh vô cùng tươi sáng

C. Một bức tranh bình minh êm ả.

D. Một bức tranh bình minh kì thú.

Câu 4: Bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ thơ thứ hai thuộc loại nào trong những bức tranh sau?

A. Một bức tranh sông nước với đêm trăng huyền ảo, thơ mộng.

B. Một bức tranh sông nước với đêm trăng buồn vắng.

C. Một bức tranh sông nước với đêm trăng ảm đạm.

D. Một bức tranh sông nước với đêm trăng tươi đẹp.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây đúng nhất?

Việc lấy lại hai lần từ *năng* và sử dụng liên tiếp các phụ ngữ (*năng hang cau, năng mới*) trên một dòng thơ (*Nhìn năng hàng cau năng mới lên*) đã góp phần làm cho:

A. cảnh bình minh thêm đẹp.

B. tăng lên gấp bội cảm giác bừng sáng, tươi mới, chan hòa của nắng.

C. không gian thêm rực rỡ, chói chang.

D. không gian như mở rộng vô cùng, vô tận.

Câu 6: Đây thôn Vĩ Dạ là bài thơ về:

A. Tình yêu đôi lứa

B. Tình yêu thiên nhiên và con người xứ Huế mơ mộng

C. Tình yêu thiên nhiên - cuộc sống - con người

D. Cả B và C

Câu 7: Sắc thái cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối của bài thơ **không** phải là sắc thái nào sau đây:

A. Nhớ thương vô vọng

B. Khát khao vô vọng

C. Tuyệt vọng

D. Hoài nghi

Trả lời câu hỏi:

Câu 8. Xác định ý nghĩa nhan đề “*Đây thôn Vĩ Dạ*”.

Câu 9. Anh/chị hiểu như thế nào về câu hỏi cuối bài thơ (*Ai biết tình ai có đậm đà?*)?

Câu 10. Từ nội dung của bài thơ, anh (chị) hãy viết 5- 7 dòng nhận xét về tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình- Hàn Mặc Tử?

II/ VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài luận phân tích, đánh giá những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử.

..... **Hết**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	A	0.5
	2	B	0.5
	3	B	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	C	0.5
	8	Ý nghĩa nhan đề: - Là sự khẳng định chắc chắn về một địa danh – một địa danh thơ mộng trữ tình, hòa quện giữa người và cảnh, luôn ở trong tâm tưởng của tác giả. - Nó như một tiếng reo vui khi đưa lòng mình trở về với nơi thân thương ấy; nhưng cũng là sự khao khát được giao hòa. - Động lại là nỗi buồn, sự luyến tiếc về cảnh và tình của một con người khát vọng yêu mà không được yêu, thèm sống mà không được sống.	1.0
	9	Câu hỏi mang hai ý nghĩa trái ngược: + Làm sao mà biết tình cảm của người xứ Huế phương xa có đậm đà hay không, hay cũng chỉ như làn khói mù mịt rồi tan đi? + Và cô gái Huế thương yêu và thương nhớ ấy làm sao mà biết được tình cảm nhớ thương tha thiết, đậm đà của <i>khách đường xa</i> là anh đây? + Câu thơ thể hiện nỗi trống vắng, khắc khoải của một tâm hồn thiết tha yêu mến cuộc sống và con người trong hoàn cảnh đã nhuộm màu bi thương, bất hạnh.	1.0
	10	- Tầm lòng tha thiết của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc sống và con người...	0.5
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề,	0.5

	Kết bài khái quát được vấn đề	
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Ý nghĩa, giá trị của bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ</i>	0.5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	2.0
	* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm Đây thôn vĩ Dạ) * Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: - Về nội dung: + Cả bài thơ là một bức tranh thôn Vĩ vừa mang vẻ đẹp rất thực với tất cả nét trong sáng, tinh khôi, thơ mộng với những đặc trưng của thiên nhiên xứ Huế. Nhưng dường như những hình ảnh ấy mơ hồ, mờ nhòe như thực, như ảo. Tất cả được tái hiện lại qua kí ức của nhân vật trữ tình. + Ba khổ thơ với những hình ảnh dường như không liên quan nhưng sự thực chúng là những mảnh ghép kí ức của nhà thơ. Đồng thời cũng là nỗi đau đớn, quặn quại của Hàn Mặc Tử khi khao khát được sống, tha thiết với đời còn quá sâu nặng mà thời gian còn lại của đời người lại quá ngắn ngủi. => Bài thơ vừa là tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước nhưng đồng thời cũng là khao khát sống đến cháy bỏng của nhà thơ. - Về nghệ thuật: + Mạch thơ đứt nối không theo tính liên tục của thời gian và duy nhất của không gian nhưng lại diễn tả mạch vận động nhất quán của dòng tâm tư + Hình ảnh độc đáo giàu sức gợi, ngôn ngữ cực tả trong sáng, súc tích khiến cho trường liên tưởng được mở rộng, khung cảnh thiên nhiên trở nên đầy đủ, giàu sức sống để nhấn mạnh hơn khao khát sống của người nghệ sĩ + Kết hợp tả cảnh cùng những hình ảnh tượng trưng để tạo nên những hình ảnh riêng biệt, độc đáo. + Sử dụng nhiều câu hỏi tu từ với giọng điệu tha thiết, khắc khoải khiến cho bài thơ lắng đọng lại trong lòng người đọc là nỗi băn khoăn day dứt về cuộc đời.	

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm			10.0